TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65/2019/QĐST- HNGĐ	*Hiệp Hòa, ngày 19 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 46/2019/TLST – HNGĐ ngày 08/3/2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh H - sinh năm 1991;

Bị đơn: Chị Trịnh Thị V - sinh năm 1992.

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 212; Điều 213; Khoản 3 Điều 144; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí .

- Căn cứ Điều 55; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83; Điều 110; Khoản 1 Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

- Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Anh Nguyễn Mạnh H - sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu , thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang;

- Chị Trịnh Thị - sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu , thị trấn T, huyện HH, tỉnh Bắc Giang;

2 - Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh H - sinh năm 1991;

Địa chỉ: Khu , thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang;

- Bị đơn: Chị Trịnh Thị - sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu , thị trấn T, huyện H H, tỉnh Bắc Giang;

- Về con chung: Chị Trịnh Thị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 02 con chung là Nguyễn Mạnh T - sinh ngày 05/9/2015 và Nguyễn Quỳnh C – sinh ngày 05/7/2017; Anh Nguyễn Mạnh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V mỗi tháng là 750.000đồng (Bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) cho 01 con chung, tính từ tháng 4/2019 cho đến khi cháu T và cháu Quỳnh C đủ 18 tuổi.

Trường hợp sau này người trực tiếp nuôi con có yêu cầu về thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung, hoặc người có quyền yêu cầu về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn có yêu cầu Toà án giải quyết, sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Anh Nguyễn Mạnh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn, chị V cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H thực hiện quyền này.

- Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H, chị V đều xác nhận không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh H chịu cả 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000đồng tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng(Ba trăm nghìn đồng) mà anh H đã nộp tại biên lai số AA/2017/0000920 ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Mạnh H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4 - Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:** **Thẩm phán**

- VKSND huyện Hiệp Hòa;

- Chi cục THADS h. Hiệp Hòa;

- UBND xã Đồng Tân, h.Hiệp Hòa;

- Đương sự;-Lưu HS vụ án. **Hà Văn Vinh**